

Số 21/KH-TH

Đăk Nia, ngày 21 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2022 – 2023

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020, Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22 /2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 982/SGDĐT-GDTH ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 873/HD-PGDĐT ngày 19/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc đảm bảo các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2022-2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 520/HD-PGDĐT ngày 08/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với cấp tiểu học;

Căn cứ vào đặc điểm tình hình nhà trường;

Trường Tiểu học Tô Hiệu xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 – 2023 những nội dung cụ thể như sau:

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021 – 2022

1. Ưu điểm

- Năm học 2021 – 2022, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo. Triển khai và thực hiện tốt các hoạt động đề ra từ đầu năm. Các bộ phận hoạt động đều tay và có tinh thần phối hợp tốt. Chất lượng các mặt hoạt động ngày càng ổn định, nền nếp và có chiều sâu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lý ngày càng tốt hơn.

- Ban giám hiệu thường xuyên tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức nhà giáo cho giáo viên, giáo dục đạo đức cho học sinh. Tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học. Nâng cao năng lực quản lý điều hành, đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Đa số giáo viên đều an tâm công tác, nhiệt tình giảng dạy, có ý thức tự học, tự rèn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; tích cực tham gia các phong trào thi đua và cuộc vận động của ngành đề ra. Các hoạt động chuyên môn trong nhà trường được triển khai sâu rộng và nề nếp.

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được củng cố, kiện toàn và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ngày càng được bổ sung đầy đủ và khang trang; cảnh quan môi trường ngày càng đẹp. Nhiều phụ huynh đã có sự quan tâm đến việc học tập của con em.

- Công tác phát triển:

+ Tổng số lớp: 11; tổng số học sinh: 253, trong đó: Nữ: 110 em; Dân tộc: 146 em, giảm 04 học sinh so với đầu năm (Lý do: chuyển trường).

+ Số học sinh được học từ 09 buổi/tuần đối với tiểu học: 11/11 lớp.

+ Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường ước khoảng đạt khoảng 99 %.

- Chất lượng dạy học:

+ Tổng số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: 209/219 đạt 96 %.

+ Tổng số học sinh HTCTTH: 34/34 đạt 100 %.

- Công tác xây dựng đội ngũ: Tổng số GVCBCNV : 22 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người; Giáo viên: 15 người (01 hợp đồng); Nhân viên: 05 người (01 Văn thư, 01 Kế toán, 01 Y tế, 02 Bảo vệ);

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận thì năm học 2021 – 2022 nhà trường vẫn còn một số hạn chế, yếu kém sau:

- Chất lượng dạy học và giáo dục của trường có chuyển biến, nhưng còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học còn cao, chất lượng mũi nhọn có cải thiện nhưng chưa có tính đột phá.

- Công tác chỉ đạo của Ban giám hiệu chưa quyết liệt, công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Các hoạt động chuyên môn chưa được triển khai thường xuyên, sâu rộng, hiệu quả và còn mang tính hình thức.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học còn thiếu và không đồng bộ, nhiều phòng học xây dựng lâu năm bị xuống cấp, chưa đạt chuẩn theo quy định mới của Bộ GD&ĐT. Một số hạng mục đầu tư cơ sở vật chất còn chậm chưa đáp ứng với yêu cầu đặt ra cho công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Việc triển khai mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 1, 2 còn chậm chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Nguyên nhân

- Điều kiện kinh tế và đời sống của nhân dân trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn; đa số phụ huynh học sinh là người dân tộc thiểu số, một bộ phận nhân dân chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục. Nhận thức của một số bộ phận phụ huynh học sinh chưa cao, còn có tư tưởng trông chờ ỷ lại, “khoán trắng” cho trường, thầy cô; chưa quyết tâm trong việc đưa con cái đến trường, chưa tạo điều kiện tốt để con em được học hành.

- Chất lượng đầu vào thấp, số học sinh không có chỗ ở ổn định (Theo gia đình đi làm ăn thời vụ) còn phổ biến.

- Dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào nhằm hình thành và củng cố kỹ năng cho học sinh.

- Một số giáo viên chưa quyết tâm đầu tư thời gian nghiên cứu, học hỏi đồng nghiệp để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đổi mới phương pháp dạy học cho phù hợp, thiết thực; ngại đổi mới, có tư tưởng bình quân, chưa tích cực phát huy năng lực sở trường công tác cũng như việc trau dồi kiến thức chuyên môn, ít chịu khó học tập, trao đổi chuyên môn, năng lực vận dụng, sử dụng CNTT vào công tác giảng dạy còn thấp.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban giám hiệu đôi lúc còn chưa sâu sát, kịp thời so với kế hoạch đã đề ra.

- Các điều kiện phục vụ công tác dạy học còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định.

III. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022 – 2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Đăk Nia có tổng diện tích tự nhiên là 9.354 ha, dân số là 2.754 hộ với 10.361 khẩu, gồm có 12 thôn, bon, trong đó có 05 bon và 07 thôn; có 14 dân tộc anh em cùng sinh sống; trong đó: Dân tộc tại thiểu số 891 hộ chiếm 39,04.

Là một xã có địa bàn rộng, dân cư phân bố rộng khắp, trình độ dân trí không đồng đều, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn, nhất là vào mùa mưa. Cơ cấu kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo còn chiếm 1,74 %. Tốc độ phát triển kinh tế đạt 15% hàng năm, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 46 triệu đồng/người/năm.

Hệ thống giáo dục xã Đăk Nia có 05 nhà trường: Trong đó 01 trường Trung học cơ sở, 01 trường TH&THCS, 02 trường Tiểu học và 01 trường Mầm Non với 1531 học sinh ở tất cả các bậc học. Đến nay toàn xã đã có 03 đạt chuẩn quốc gia.

Trong những năm qua Đảng bộ và nhân dân xã Đăk Nia đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn xã đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giáo dục hiện nay.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022-2023

Trường Tiểu học Tô Hiệu được thành lập theo Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Gia Nghĩa trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học Tô Hiệu và Trường Tiểu học Quang Trung.

Là đơn vị trường học thuộc hệ thống trường công lập, gồm có 02 điểm trường, điểm chính đóng chân tại thôn Phú Xuân, điểm lẻ đóng tại thôn Đăk Tân, xã Đăk Nia, nằm ở phía Đông Nam của thành phố Gia Nghĩa, cách trung tâm thành phố khoảng 16 km. Dân cư chủ yếu là dân tộc ít người tại chỗ và di cư từ các tỉnh miền núi phía Bắc, sống bằng nghề nông, mặt bằng kinh tế, trình độ dân trí, văn hoá - xã hội không đồng đều, còn có nhiều hộ nghèo, cận nghèo tập trung ở vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Nhiều gia đình không có điều kiện chăm lo, đầu tư các yếu tố vật chất, tinh thần cho nhu cầu học tập của con em mình.

2.1. Đặc điểm học sinh

Năm học 2022- 2023, Trường Tiểu học Tô Hiệu có 262 học sinh, gồm 11 lớp.

Trong đó: lớp 1: 02 lớp với 55 em, lớp 2: 03 lớp với 68 em; lớp 3: 02 lớp với 46 em, lớp 4: 02 lớp với 49 em và lớp 5: 02 lớp với 44 em.

Số học sinh nữ: 114 em; học sinh dân tộc thiểu số: 160 em; học sinh nữ dân tộc thiểu số: 64 em; học sinh khuyết tật: 03 em. (trí tuệ: 02 em, thân kinh: 02 em), cụ thể:

Số liệu	Khối lớp						
	Tổng số	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Ghi chú

Số lớp	11	02	03	02	02	02	
Tổng số	262	55	68	46	49	44	
Nữ	114	29	17	24	23	21	
Dân tộc	160	30	41	26	31	32	
Nữ dân tộc	64	18	8	12	16	10	
Học 2 buổi/ngày	262	55	68	46	49	44	
Học sinh khuyết tật	03	0	0	0	02	01	
Nghèo	29	04	07	09	05	04	
Cận nghèo	15	05	02	04	03	1	
Học có hoàn cảnh khó khăn	59	12	15	11	07	14	

2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có 24 người (trong đó CBQL: 03 ; GV: 16 (02 hợp đồng), NV: 05); giáo viên dạy bộ: 04 môn (Tiếng Anh, Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục).

Đội ngũ CBQL, giáo viên đảm bảo về số lượng, chất lượng; Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,4.

+ Trình độ CBQLGV: Đại học 20 người; CĐ: 01 người.

+ Đảng viên: 10 đồng chí.

+ Trung cấp chính trị LLCT: 04 đ/c. Cụ thể:

Nội dung	Tổng số	Nữ	Dân tộc	GV /lớp	Trình độ đào tạo					Đảng viên	Ghi chú
					Thạc sĩ	Đại học	CĐ	TC	Khác		
CÁN BỘ, GIÁO VIÊN											
CBQL	3	1	0		0	3	0	0	0	3	
GV văn	12	10	3		0	10	2	0	0	6	1

hóa											HD
GV Âm nhạc	1	1	0		0	1	0	0	0	0	
GV Mỹ thuật	1	1	0		0	1	0	0	0	0	
GV GD Thể chất	1	1	0		0	1	0	0	0	0	
GV Tiếng Anh	1	0	0		0	1	0	0	0	1	
TPT Đội	0	0	0		0	0	0	0	0	0	
Cộng	19	14	3		0	17	2	0	0	10	
NHÂN VIÊN											
NV Y tế	1	1	1		0	0	0	1	0	0	
NV Kế toán	1	1	0		0	1	0	0	0	0	
NV văn thư	1	1	0		0	0	0	1	0	0	
NV Thư viện	0	0	0		0	0	0	0	0	0	
NV Phục vụ	0	0	0		0	0	0	0	0	0	
NV bảo vệ	2	1	1		0	0	0	0	2	0	
Cộng	5	4	2		0	0	0	0	2	0	

2.3. Tình hình cơ sở vật chất

Trường Tiểu học Tô Hiệu có 02 điểm trường. Tổng diện tích: 24.878 m². Trong đó, điểm chính: 2.645 m², điểm lẻ: 8.444 m². Ngoài ra, còn có 13.789 m² diện tích chưa sử dụng. Khuôn viên trường có tường bao, cổng, cây cối râm mát.

Tổng số phòng học của trường có 15 phòng học, đảm bảo để tổ chức cho học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh.

Bàn ghế học sinh cơ bản phù hợp tầm vóc, thiết bị tối thiểu cơ bản đầy đủ theo quy định từ của Thông tư 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT thông tư liên Bộ. Tất cả các phòng học đã có kế hoạch được tu sửa nên đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

TT	Số liệu	TS phòng	Phòng kiên cố	Phòng bán kiên cố	Phòng tạm	Ghi chú
Khối phòng hành chính quản trị						
1	Phòng Hiệu trưởng	1	0	1	0	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	0	2	0	
3	Văn phòng	2	2	2	0	
4	Phòng bảo vệ	0	0	0	0	
5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	2	0	2	0	
6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	2	0	2	0	
7	Phòng Kế toán	1	0	1	0	
Khối phòng học tập						
1	Phòng học	15	0	15	0	
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật	1	0	1	0	
3	Phòng học bộ môn Khoa học-Công nghệ	0	0	0	0	
4	Phòng học Tin học	1	0	1	0	
5	Phòng học môn Ngoại	1	0	1	0	

	ngữ					
6	Phòng đa chức năng	0	0	0	0	
Khối phòng hỗ trợ học tập						
1	Thư viện	1	0	1	0	
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	0	1	0	
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ GDHS Khuyết tật học hoà nhập	0	0	0	0	
4	Phòng truyền thống và HD Đội	2	0	2	0	
Khối phụ trợ						
1	Phòng họp	1	0	1	0	
2	Phòng Y tế trường học	1	0	1	0	
3	Nhà kho	1	0	1	0	
4	Khu để xe học sinh	0	0	0	0	
5	Khu vệ sinh học sinh	2	0	2	0	
Cộng						
CSVC thực hiện bán trú						
1	Phòng ngủ bán trú	0	0	0	0	
2	Nhà bếp	0	0	0	0	
3	Nhà ăn học sinh	0	0	0	0	
4	Kho bếp	0	0	0	0	
Cộng		0	0	0	0	

- Số lượng bàn ghế giáo viên: 11 bộ.

- Số lượng bộ bàn ghế học sinh: 166 bộ; trong đó có 105 bộ bàn ghế đúng quy cách.

24. Tình hình sách giáo khoa, thiết bị dạy học

- Sách giáo khoa cho học sinh sinh đảm bảo 100% học sinh.

2.5. Điểm trường, lớp ghép

- Trường có hai điểm trường, cách nhau khoảng 04 km.

3. Thời cơ, thuận lợi – khó khăn, thách thức

3.1. Thời cơ, thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sáo của các cấp lãnh đạo UBND thành phố Gia Nghĩa, Phòng GD&ĐT, cấp ủy chính quyền địa phương; sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, sự tin nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá tốt, đạt trình độ chuẩn khá cao.

- Khuôn viên nhà trường đã được quy hoạch theo Đề án nông thôn mới. Diện tích của nhà trường còn đủ để phát triển cơ sở hạ tầng trường học trong giai đoạn mới.

- Chủ trương xã hội hoá giáo dục cũng góp phần tạo nên nhà trường được phát triển toàn diện.

3.2. Khó khăn, thách thức

a) Khó khăn

- Cơ sở vật chất :

+ Các phòng chức năng, phòng Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, nhà đa năng chưa có. Tất các phòng học đều là phòng học cấp 4, xây dựng và sử dụng lâu năm, diện tích không đảm bảo, bị xuống cấp cần được sửa chữa để phục vụ học tập. Bàn ghế học sinh được cung cấp không đồng bộ, một số bị hư hỏng phải tu sửa, tủ thiết bị, bàn ghế giáo viên một số lớp đã cũ, hư hỏng.

+ Sân chơi, bãi tập chưa đáp ứng nhu cầu vui chơi, tập luyện và sinh hoạt câu lạc bộ của học sinh.

+ Một số lớp, phòng học chưa được trang bị máy chiếu hoặc tivi thông minh phục vụ các hoạt động dạy - học.

+ Diện tích đất tại điểm chính hơi chật, cần được mở rộng. Khuôn viên trường, chưa đảm bảo an toàn. Trường nằm giáp quốc lộ 28, mật độ người tham gia giao thông đông nên khó khăn cho công tác bảo vệ an toàn, an toàn giao thông của nhà trường.

- Điều kiện học sinh:

+ 61% học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số. Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có bố mẹ đi làm ăn xa ... chiếm tỷ lệ không nhỏ. Một số phụ huynh học sinh do điều kiện, hoàn cảnh gia đình nên sự quan tâm đến học tập, rèn luyện của con em mình chưa sâu sát, thường xuyên.

+ Trình độ dân trí không đồng đều nên nhận thức về công tác giáo dục còn khác nhau vì vậy sự phối hợp giữa gia đình- nhà trường để cùng giáo dục học sinh đôi lúc còn gặp khó khăn.

- Trường có 03 học sinh khuyết tật trí tuệ, một số học sinh tăng động, giảm chú ý, 44 học sinh thuộc hộ nghèo và cận nghèo, 59 học sinh có hoàn cảnh khó khăn,..ảnh hưởng đến chất lượng dạy - học chung của lớp.

- Kinh phí nhà trường chủ yếu là cấp để chi lương cho đội ngũ, phần chi khác rất hạn chế nên gặp nhiều khó khăn nên việc mua sắm trang thiết bị, tu sửa CSVC còn hạn chế.

- Nhà trường còn thiếu 02 giáo viên chủ nhiệm lớp và chưa có giáo viên dạy Tin học.

- Tỷ lệ giáo viên lớn tuổi cao khả năng ứng dụng CNTT, trình độ ngoại ngữ của một số giáo viên, nhân viên còn hạn chế.

b) Thách thức

- Đắk Nia là một xã ven thành phố Gia Nghĩa, được quy hoạch nằm trong khu đô thị trong tương lai gần. Số trong độ tuổi đi học tiểu học hàng năm tăng. Vấn đề đặt ra cần tham mưu với địa phương sớm có kế hoạch huy động mọi nguồn lực để đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện dạy học trong giai đoạn tới, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Xã hội ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Giáo dục học sinh không chỉ phụ thuộc nhà trường mà là trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh, của địa phương và của xã hội trong thời kỳ hội nhập ngày nay.

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu, nhiệm vụ chung

a) Tiếp tục triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023 của ngành giáo dục và đào tạo thành phố Gia Nghĩa.

b) Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đảm bảo năng lực đáp ứng yêu

cầu đổi mới giáo dục và thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình hiện hành, đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 4 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

c) Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT 2018; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030*”, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học trực tuyến (nếu dịch bệnh phức tạp).

e) Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục. Nâng cao đạo đức nhà giáo. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình – nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện đơn vị trường.

g) Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, từng bước cải tiến chất lượng các tiêu chí xây dựng trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 17/2018 của Bộ GD&ĐT.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về phát triển số lượng học sinh

- Huy động số học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt 100%; duy trì số lượng học sinh đến cuối kỳ, cuối năm đạt 100%.

- Trong năm học thường xuyên đảm bảo tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần đạt từ 99% trở lên.

2.2. Chỉ tiêu về chất lượng học sinh

+ Về Phẩm chất: Tốt đạt : 50% còn lại là Đạt, không có học sinh ở mức Cần cố gắng (Đánh giá 5 phẩm chất theo Thông tư 27/2020/TT- BGDĐT đối với lớp 1, 2, 3; đánh giá 4 phẩm chất Theo Thông tư 30/2014/TT- BGDĐT và Thông tư 22 /2016/TT-BGDĐT đối với lớp 4,5).

+ Về Năng lực: 90% học sinh lớp 1, 2, 3 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp

tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

+ Về kiến thức môn học và hoàn thành chương trình: 87% học sinh lớp 1, 99% học sinh lớp 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học. Trong đó: Học sinh xuất sắc đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT- BGDĐT của khối 1, 2, 3 chiếm từ 12 đến 15%. Học sinh hoàn thành tốt đạt từ 40 đến 45% còn lại là hoàn thành. Học sinh Hoàn thành Tốt theo Thông tư 30/2014/TT- BGDĐT và TT22 /2016/TT-BGDĐT đối với khối 4,5 đạt từ 40 đến 45%.

Số liệu	Khối lớp					Toàn trường
	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	
Tổng số học sinh	55	68	46	49	44	262
Hoàn thành Xuất sắc	06	11	06	-	-	22
Hoàn thành Tốt	12	15	15	19	16	77
Hoàn thành	30	40	25	30	28	153
Chưa hoàn thành	07	02	0	0	0	09
Hoàn thành lớp học	48	66	46	49	44	253
Hoàn thành CTTH	-	-	-	-	44	44
Tỉ lệ học sinh được khen thưởng (Cấp trường, cấp trên)	17	26	21	19	16	99

2.3. Mục tiêu về đội ngũ

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 12 người.
- 100% CBQL, GV, NV tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội.
- Đánh giá viên chức (22 CB, GV, NV):
 - + 06 Cán bộ, giáo viên, nhân viên xếp loại xuất sắc;
 - + 16 Cán bộ, giáo viên, nhân viên xếp loại khá và không có cán bộ, giáo viên, nhân viên xếp loại trung bình và kém.

- Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp (19 CB,GV):
- + 15 cán bộ, giáo viên đạt chuẩn xếp loại xuất sắc.
- + 04 cán bộ, giáo viên đạt chuẩn xếp loại khá.

2.4. Mục tiêu về thi đua khen thưởng

- Tập thể: Nhà trường đạt danh hiệu Lao động tiên tiến
- Cá nhân: Phân đầu có 18 CBQLGVNV, trong đó có 03 CBQLGVNV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

V. TỔ CHỨC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	280	144	136	280	144	136	280	144	136
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34	0	0	0	0	0	0
5	Thể dục (GDTC)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
7	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	LS&DL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	36	34	70	36	34
9	Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	36	34	70	36	34
10	KT-CN	0	0	0	0	0	0	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Tin học	0	0	0	0	0	0	35	18	17	0	0	0	0	0	0
2. Môn học tự chọn																
1	Ngoại	0	0	0	0	0	0	140	72	68	140	72	68	140	72	68

ngữ 1																
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Tiếng Việt	175	90	85	175	90	85	105	54	51	70	36	34	35	18	34
2	Toán	70	36	34	70	36	34	35	18	17	35	18	17	70	36	17
TỔNG		1050	540	510	1050	540	510	1015	522	493	1050	540	510	1050	540	510

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2022	<i>Mái trường thân yêu</i>	Tập các bài hát, múa truyền thống của trường	Tập trung	26/9	HS, TPT Đội	Toàn trường
Tháng 10/2022	<i>Vòng tay bè bạn</i>	Tập huấn các kỹ năng phòng, tránh xâm hại	Tập trung	21/10	HS, TPT Đội	Toàn trường
Tháng 11/2022	<i>Biết ơn thầy cô giáo</i>	Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11	Tập trung	14-18/11	HS, TPT Đội, GVCN	Toàn trường
Tháng 12/2022	<i>Uống nước nhớ nguồn</i>	Thi các môn thể thao	Tập trung	23/12	HS, TPT Đội, GVTD	Toàn trường
Tháng 1/2023	<i>Ngày Tết quê em</i>	Thi gói bánh chưng, Trang trí hoa ngày Tết	Tập trung	13-14/01	HS, TPT Đội	Toàn trường
Tháng 2/2023	<i>Em yêu Tổ quốc Việt Nam</i>	Hát các bài hát về Tổ quốc, quê hương		07-28/02	HS, TPT Đội	

Tháng 3/2023	<i>Tiếp bước cha anh. Yêu quý mẹ và cô giáo</i>	Hát các bài hát về mẹ và cô giáo kính yêu	Tập trung	06/3	HS, TPT Đội	Toàn trường
Tháng 4/2023	<i>Hòa bình và hữu nghị</i>	Thi vẽ Tranh về hòa bình	Tập trung	21/4	HS, TPT Đội, GVMT	Toàn trường
Tháng 5/2023	<i>Bác Hồ kính yêu</i>	Trồng cây nhớ ơn Bác Hồ	Tập trung	19/5	HS, TPT Đội, Đoàn TN	Toàn trường

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học (Trường không có học sinh bán trú).

2.3. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các khối lớp, mỗi ngày không quá 07 tiết, mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần có 09 buổi, có 32 tiết/tuần.

- Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

- Xây dựng thời khóa biểu đan xen các môn học đảm bảo tính cân đối, vừa sức, tạo hứng thú cho học sinh học tập.

+ Các buổi sáng từ thứ Hai đến thứ Sáu mỗi buổi 4 tiết;

+ Các buổi chiều từ thứ Hai đến thứ Năm mỗi buổi 3 tiết chính khóa.

+ Chiều thứ Sáu sinh hoạt chuyên môn, tổ chức thực hiện các chuyên đề. Các tiết học tăng cường, giáo dục kỹ năng sống, dạy bù theo kế hoạch điều chỉnh...

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022 – 2023 và kế hoạch dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục

3.1. Khung thời gian

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo khung thời gian 35 tuần (học kì I: 18 tuần, học kì II: 17 tuần) theo Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

+ Ngày tựu trường sớm nhất vào ngày 29 tháng 8 năm 2022. Riêng đối với lớp 1, tựu trường sớm nhất ngày 22 tháng 8 năm 2022.

+ Tổ chức khai giảng vào ngày 05 tháng 9 năm 2022.

+ Học kì I: kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2022 đến trước ngày 08 tháng 01 năm 2023, trong đó có 18 tuần thực học.

+ Học kì II: kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2023, trong đó có 17 tuần thực học, hoàn thành chương trình giáo dục trước ngày 25 tháng 5 năm 2023 và kết thúc năm học trước ngày 31 tháng 5 năm 2023.

+ Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2023.

+ Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp học trước ngày 31 tháng 7 năm 2023.

3.2. Thực hiện chương trình và kế hoạch dạy học theo khối, lớp

a) Thực hiện chương trình giáo dục

Năm học 2022 - 2023 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 4, lớp 5.

** Thực hiện dạy lớp 1, lớp 2, lớp 3*

- Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chức dạy học lớp 1 theo hướng dẫn tại Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 và các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, Công văn 1915/SGDĐT-GDTH ngày 30/9/2019 của Sở GD&ĐT Đắk Nông về hướng dẫn tổ chức dạy học lớp 1 từ năm học 2020 – 2021.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

+ Đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

+ Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương. Xây dựng kế hoạch giáo dục và chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn của từng lớp, chia yêu cầu cần đạt thành nhiều “chặng”, cân nhắc giảm yêu cầu cần đạt, nhất là giai đoạn đầu năm học; điều chỉnh theo hướng kéo giãn nội dung, phân phối thời lượng hợp lý cho giai đoạn làm quen, nhất là khi dạy học âm chữ, học vần mới; giảm thời lượng luyện tập tổng hợp; điều chỉnh, phân phối thời lượng hợp lý cho từng chủ đề, từng bài học, từng hoạt động, phù hợp với hình thức học tập phát huy năng lực, phẩm chất cho học sinh.

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

+ Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019, trong đó thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học.

*** Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 4, lớp 5.**

Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2006, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 4 và lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Cụ thể:

+ Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các

chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

+ Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

+ Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn và kế hoạch bài dạy theo Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học và hướng dẫn tại Công văn 520/HD-PGDĐT ngày 08/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

+ Thực hiện Kế hoạch giáo dục lớp 5 theo Công văn 3799/BGDĐT ngày 01/01/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn điều chỉnh thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 và Hướng dẫn tại Công văn số 713A /CV-PGDĐT, ngày 20/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông 2018;

b) Thực hiện kế hoạch giáo dục các khối, lớp

*** Lớp 1:**

HỌC KỲ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Nghệ thuật	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
HĐTN	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tự chọn Tiếng Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tăng cường Tiếng Việt	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	90
Tăng cường Toán	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

HỌC KỲ II

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	204
Toán	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Nghệ thuật	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
HĐTN	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	425
Tự chọn Tiếng Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tăng cường Tiếng Việt	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	106
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

** Lớp 2*

HỌC KỲ I

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	180
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18

TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Nghệ thuật	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
HĐTN	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tự chọn Tiếng Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	36
Tăng cường Tiếng Việt	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	108
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576
HỌC KỲ II																			
Môn/Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85	
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Nghệ thuật	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
HĐTN	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	425
Tự chọn Tiếng Anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Việt	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	85
Tăng cường Toán	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

* Lớp 3

HỌC KỲ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Công nghệ	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tiếng Anh	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	72
Tin học	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
HĐTN	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504
Tăng cường Tiếng Việt	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576
HỌC KỲ II																			
Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119	
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85	

Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
TNXH	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
GDTC	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Công nghệ	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tiếng Anh	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	68
Tin học	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
HĐTN	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	476
Tăng cường Tiếng Việt	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

** Lớp 4*

HỌC KỲ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	144
Toán	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	90
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
LSĐL	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Khoa học	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Thể dục	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Kĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tiếng	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	72

Anh																			
Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDNGLL	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540
Tăng cường Tiếng Việt	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tổng số tiết/tuần	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	594
HỌC KỲ II																			
Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	136
Toán	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	85
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
LSĐL	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Khoa học	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Thể dục	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Kĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tiếng Anh	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	68
Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDNGLL	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
Tăng cường Tiếng Việt	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

* Lớp 5

HỌC KỲ I																			
Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	144
Toán	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	90
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
LSĐL	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Khoa học	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Thể dục	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	36
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Kĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tiếng Anh	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	72
Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDNGLL	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540
Tăng cường Tiếng Việt	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576
HỌC KỲ II																			
Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	08	136	
Toán	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	05	85	
Đạo đức	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17	
LSĐL	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34	
Khoa học	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34	
Thể dục	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	02	34	
Âm nhạc	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17	
Mĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17	
Kĩ thuật	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17	
Tiếng Anh	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	04	68	
Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

GDNGLL	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	03	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
Tăng cường Tiếng Việt	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tăng cường Toán	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	01	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Về phòng học:

- Rà soát, tham mưu lãnh đạo Phòng GD&ĐT sửa chữa 01 dãy nhà lớp học 04 phòng tại điểm trường Quang Trung (cũ).

- Đề xuất xây dựng thêm 12 phòng học tại điểm Phú Xuân, bố trí lại phòng làm việc, phòng chức năng, bộ môn và các công trình hỗ trợ hoạt động dạy và học đảm bảo đủ 1 phòng học/ lớp; có đầy đủ các phòng học Tin học, Ngoại ngữ, phòng đa chức năng, các loại hình thư viện thân thiện, phù hợp, vận hành tốt phục vụ nhu cầu đọc, nghiên cứu tra cứu cho giáo viên, học sinh.

b) Về bàn ghế giáo viên và học sinh:

- Trang bị lại bàn giáo viên cho tất cả các lớp.

- Chuẩn bị đủ bàn ghế 2 chỗ ngồi, bảng lớp, bàn ghế giáo viên, hệ thống ánh sáng, quạt mát, ... hợp tâm vóc theo yêu cầu từ Thông tư 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT thông tư liên Bộ Y tế - GD.

c) Về thiết bị dạy học tối thiểu:

- Đề xuất mua sắm bộ đồ dùng thực hành của học sinh phục vụ cho học tập môn Toán, Tiếng Việt và các môn học khác cho lớp 1, 2, 3 theo Thông tư 37/2021 của Bộ GD&ĐT.

- Đối với bộ thực hành các môn của lớp 3, 4, 5 nhà trường tận dụng toàn bộ đồ dùng cũ, sắp xếp đầy đủ bộ cho học sinh và có kế hoạch mua sắm bổ sung bằng ngân sách nhà trường.

d) Về sách giáo khoa:

- Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn cho phụ huynh học sinh chủ động mua sắm cho các em đầy đủ, đúng bộ, kịp thời trước khi bước vào năm học mới.

- Xây dựng kế hoạch vận động các mạnh thường quân, nhà tài trợ quyên góp, ủng hộ sách giáo khoa cho học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

- Quán triệt và tuyên truyền học sinh có ý thức giữ gìn sách giáo khoa để sử dụng lâu dài.

e) Đối với thiết bị biểu diễn của giáo viên:

- Chủ động trang cấp đầy đủ cho giáo viên trước ngày khai giảng năm học mới, động viên, khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, đặc biệt quan tâm đến việc số hóa đồ dùng, thiết bị dạy học.

- xây dựng kế hoạch sử dụng đồ dùng dạy học, quán triệt việc sử dụng trang thiết bị đồ dùng dạy học đến đội ngũ giáo viên một cách có hiệu quả.

g) Về thiết bị dùng chung: Thực hiện tiết kiệm kinh phí và xã hội hóa giáo dục, lắp đặt hệ thống màn hình ti vi hiện đại, máy chiếu, kết nối mạng internet ưu tiên cho 100% lớp 1, 2 và các phòng bộ môn. Lắp đặt đường mạng cho hợp lí để có đường truyền tốt. Phần đầu trong năm học có 50% lớp được trang bị tivi thông minh và máy chiếu.

h) Một số nội dung khác:

- Tham mưu lãnh đạo ngành sửa chữa khắc phục hệ thống nước vệ sinh tại điểm Tô Hiệu (cũ).

- Thường xuyên cắt tỉa, chỉnh trang lại hệ thống cây xanh tại cả hai điểm trường cho phù hợp với quy hoạch và đảm bảo an toàn cho học sinh. Tiếp tục trồng tăng cường, thay thế các loại hoa, cây cảnh tại các bồn hoa khu vực sân trường, khu vực ngoài sân trường (Phía trước sân trường).

- Từng bước xây dựng hệ thống thư viện, vườn trường, xây dựng khu vực tập thể dục, thể thao ... tạo điều kiện cho học sinh nâng cao chất lượng giáo dục thể chất.

- Kịp thời sửa chữa, khắc phục hệ thống dẫn nước vệ sinh, điện thấp sáng, sân chơi bị bong tróc...

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Tham mưu với các cấp các ngành để có số lượng giáo đủ viên biên chế, hợp đồng đảm bảo 1,5 giáo viên/ lớp. Bố trí kịp thời giáo viên thay thế giáo viên chuyển công tác.

- Tích cực bồi dưỡng giáo viên nâng cao nghiệp vụ, tay nghề. Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên bồi dưỡng nâng chuẩn theo lộ trình, bồi dưỡng thường xuyên đủ chương trình 120 tiết học/1 năm. Tăng cường công tác kiểm tra việc tự học, tự sáng tạo của giáo viên. Tổ chức thực hiện chuyên đề bộ môn 1 lần/ tháng. Phó hiệu trưởng phụ trách và Tổ trưởng chuyên môn tích cực dự giờ, thăm lớp, giúp đỡ giáo

viên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho giáo viên như tập huấn sử dụng các phần mềm dạy học, khai thác hệ thống Internet. Động viên giáo viên tích cực xây dựng kho dữ liệu bài giảng bằng video, qua youtube, bài giảng điện tử,... Tổ chức các phương án dạy học khác nhau, phù hợp với đặc điểm và tình hình nhà trường.

- Tổ chức các cuộc thi như thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi ...tạo môi trường học tập, giao lưu nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ. Trọng tâm: Thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3 điều chỉnh nội dung dạy học với lớp 4, 5.

3. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và sinh hoạt chuyên môn

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn nghiên kỹ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Công văn số 982/SGDĐT- GDTH ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, Hướng dẫn số 520/HD-PGDĐT ngày 08/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học để xây dựng kế hoạch giáo dục môn, kế hoạch bài dạy phù hợp với đặc điểm tình hình trường, lớp.

- Thực hiện Kế hoạch giáo dục lớp 5 theo Công văn 3799/BGDĐT ngày 01/01/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn điều chỉnh thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 và Hướng dẫn tại Công văn số 713A /CV-PGDĐT, ngày 20/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông 2018;

- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013, chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo hướng dẫn tại Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016. Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy,...vào dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 và Công văn 643/HD-PGD&ĐT ngày

03/9/2020 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học.

- Thực hiện nội dung dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 đối với lớp 1, 2, 3 từng bước tiếp cận chương trình đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học theo chương trình GDPT 2018 cho các lớp 4, 5. Cụ thể:

+ Tổ chức dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Hướng dẫn giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Tổ chức chuyên môn sinh hoạt, tổ chức cho giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm trong tổ.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột”; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật biểu đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình thực hành, thí nghiệm. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

+ Hướng dẫn cho giáo viên Mỹ thuật chủ động sắp xếp bày dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “*Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất.

+ Chỉ đạo khối 5 thực hiện kế hoạch dạy học dạy học theo hướng dẫn Số: 405/BGDĐT-GDTH về việc thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 học kỳ II năm học 2020-2021, ngày 28/01/2021 và công văn 3799/BGD&ĐT-GDTH ngày 01/9/2021 về thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

+ Chỉ đạo các lớp 3; 4; 5 thực hiện dạy học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất của học sinh theo công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH, ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT.

- Chỉ đạo dạy lồng ghép giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục môi trường, An toàn giáo thông cho nụ cười trẻ thơ, giáo dục biển đảo, phòng chống dịch bệnh Covid 19 vào tiết Sinh hoạt tập thể.

- Chỉ đạo việc dạy tích hợp các môn học, các bài học để đảm bảo tốt kiến thức kỹ năng.

4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh.

- Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS, phòng chống Covid 19.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

- Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh... vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích lịch sử tại xã Đăk Nia và trong tỉnh để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

- Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

5. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, nâng cao chất lượng tham gia các sân chơi, các cuộc thi trong năm

- Tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm, tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Thông qua các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt



động giáo dục ngoài giờ lên lớp... Học sinh tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi. Học sinh có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống thường ngày, kỹ năng giao tiếp xã hội và các hành vi ứng xử cơ bản ban đầu.

- Giáo dục thực hành tâm lí học đường cho học sinh tiểu học, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe và làm quen với một số nghề truyền thống ở địa phương, giáo dục nghệ thuật, thể dục, thể thao.

- Hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi, các sân chơi nhằm bồi dưỡng năng khiếu, phát hiện tài năng, năng lực học sinh, định hướng cho các em phát triển.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

a) Chỉ đạo đội ngũ tham gia xây dựng các loại Kế hoạch của trường, Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn, các câu lạc bộ, hoạt động Đội và các bộ phận khác của nhà trường; xây dựng phân phối chương trình, thời khoá biểu từng lớp phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

b) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các loại kế hoạch của nhà trường, tổ khối và các bộ phận từ tháng 9/2022. Bố trí sắp xếp hợp lý cơ sở vật chất, phân công đội ngũ phù hợp năng lực từng cá nhân.

c) Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị của nhà trường, chỉ đạo sử dụng, khai thác hiệu quả các thiết bị dạy học của nhà trường. Làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng UDCNTT, năng lực sử dụng ngoại ngữ.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân, tập thể để điều chỉnh kịp thời.

2. Phó Hiệu trưởng

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của tổ khối, giáo viên.

c) Chủ trì xây dựng quy chế chuyên môn. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nhà trường bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng và theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

d) Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá việc triển khai Kế hoạch giáo dục nhà trường, Công tác phổ cập giáo dục, Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của các tổ chuyên môn, của mỗi giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của tổ chuyên môn.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ bám sát Kế hoạch giáo dục của nhà trường và theo Quy chế chuyên môn của nhà trường đã xây dựng.

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên trong tổ. Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá giáo viên trong tổ.

4. Tổng phụ trách Đội

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động tập thể, sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động Đội.

b) Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài nhà trường tổ chức các các động Đội, Sao nhi đồng, các hoạt động rèn kỹ năng sống, thăm quan, trải nghiệm cho học sinh.

5. Giáo viên chủ nhiệm

a) Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng và tổ chuyên môn.

b) Xây dựng kế hoạch cá nhân, thời khóa biểu cụ thể cho lớp chủ nhiệm.

c) Phối hợp với Tổng phụ trách Đội, cha mẹ học sinh tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá cho học sinh.

d) Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn của nhà trường, quy định của tổ chuyên môn.

e) Đổi mới phương pháp dạy học, chủ động tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn theo quy định.

g) Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của trường, của lớp.

6. Giáo viên phụ trách môn học

a) Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

b) Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp giáo viên chủ nhiệm lớp xây dựng thời khóa biểu của các lớp.

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá cho học sinh các lớp và toàn trường.

d) Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn của nhà trường, quy định của tổ chuyên môn.

e) Đổi mới phương pháp dạy học, chủ động tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn theo quy định.

g) Phối kết hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm trong công tác quản lý, giáo dục học sinh các lớp.

h) Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục môn học.

7. Nhân viên

a) Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng và tổ trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường.

b) Phối kết hợp chặt chẽ với các tập thể, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và hỗ trợ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 Trường tiểu học Tô Hiệu. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH;
- TTCM;
- Các bộ phận;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quang Phú

**T.M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
P. CHỦ TỊCH**

Trương Khánh Toàn